

# TRITÂN

## TẠP CHÍ

知新雜誌



# TRI-TÂN TẠP-CHÍ

## MỤC LỤC SỐ 195

Một thiên ái quốc *Phan Bội Châu*

Từ việc chăm câu

đến cái lăm... *Mãn Khánh Dương Kỳ*

Đại nam đại sự (LXV) *Nguyễn văn Tố*

Ái Sơn Hành *Phó bảng Kiều Oánh Mân*

Tài liệu định chính bài

văn cổ (LXXXVI) *Ứng-hoè*

Gậy bạc và tước chất *Ngô Công*

Vệ nam văn học sử (LXVI) *Nguyễn văn Tố*

Một án « Thông phỉ » (I) *Tiên Đàm*

\*\*\*

## GIÁ BẢO

|           |          |
|-----------|----------|
| Một năm   | 55 \$ 00 |
| Sáu tháng | 30 , 00  |
| Ba tháng  | 15 , 00  |
| Một số    | 1 , 20   |

\*\*\*

## TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancéaume — Hà-nội

\*\*\*

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Q. Ang-vân-Thành 51, phố Cầu-lắt — Hải-phòng

Vũ-ngọ - Cờ 40, phố Đông triều — Hải-dương

# MỘT THIÊN ÁI QUỐC

(Di-văn củn-cụ Phan - Bội - Châu)

*Khái-Sinh Dương-Tạ-Quán soạn lục*

Nay ta hát, một thiên ái quốc,  
Yêu gì hơn yêu nước nhà ta.  
Trang nghiêm bốn mặt sơn hà,  
Ông cha ta để cho ta lọ vàng.  
Trải mấy thuở tiền vương dựng mở,  
Bốn ngàn năm rã gió dầm mưa,  
Biết bao công của người xưa,  
Gang sông tắc núi rã rủa ruột tâm.  
Hào Đại - hải âm thăm trước mặt,  
Giải Cửu-long quanh quất miền tây,  
Giang-sơn bờ cõi rộng thay,  
Bên kia Vân Quảng, bên này Côn-Lôn.

Vẻ gấm vóc giang sơn thêm đẹp,  
Những ước-mong cơ nghiệp dài lâu,  
Giống khôn há phải đàn trâu,  
Giang sơn nở để người dân vẫy vùng!

Non nước ấy biết bao máu mủ.  
Nỡ nào đem nuôi lũ sài lang,  
Cờ ba sắc xứ Đông-dương,  
Trông càng thêm nhục, nỗi càng thêm thương!

Nhục vì nước càng thương người trước,  
Nông nổi này non nước cùng oan,  
Hồn ơi về với giang san,  
Muôn người muôn tiếng hát ran câu này:

Hợp muôn sức ra tay quang phục,  
Quyết một phen rửa nhục máu thù.  
Một thiên ái quốc reo hò,  
Xin người ta hãy quyết cho một lòng.

# TỪ VIỆC CHẤM CÂU ĐẾN ĐÔI CÁI LẼM CỦA NHÀ SỬ-HỌC GEORGES MASPERO

Mãn-khánh ĐƯƠNG KỲ



Ấy cụ xưa viết văn chữ Hán, không chịu chấm câu, không chịu làm dấu tên đất tên người, trực đã làm một việc kỳ-quặc và đã để lại làm chuyện lười-thời.

Người ta kể lại rằng hồi trước, khi mà trong quan-trưởng tỉnh-thoảng còn có đôi người thông-minh, thanh liêm, biết thương kẻ trí hạ, trong thời mộng-tướng ấy, có một phú ông ngày đêm bán khoán lo nghĩ về cái gia-tài khổng lồ của mình. Nguyên phú ông chỉ sinh một gái, đã gả đi lấy chồng. Mãi đến khi phú ông gần bảy mươi tuổi, thì cô hầu non mới sinh được một trai, đặt tên là Phi. Phú ông biết mình chẳng bao lâu sẽ chết, muốn để gia-tài lại cho con trai nhưng sợ chàng rể tham lam tìm cách hạ câu Poi để đoạt hết cả gia tài. Sau Phú ông tìm ra một kế, liền gọi chàng rể đến bảo cho hay rằng định để gia-tài lại cho nó, và giao cho một tờ chúc thư như thế này: « Dư-kim thất thập tuế, sinh đắc nhất nam, phi ngô tử dã, kỳ gia-tài giao dĩ tể. Ngoài nhân bất đắc xâm tranh ». (Ta nay bảy mươi tuổi, sinh được một trai, không phải con ta vậy. Gia-tài này giao cho rồi. Người ngoài không được tranh dành).

Tờ chúc thư vẫn-tất như thế, nhưng chàng rể cho là đủ nghĩa lắm rồi vì chàng ta nghĩ cần và cần nghĩa như thế này:

« Dư-kim thất thập tuế, sinh đắc nhất nam, phi ngô tử dã, kỳ gia-tài giao dĩ tể. Ngoài nhân bất đắc xâm tranh ». (Ta nay bảy mươi tuổi, sinh được một trai, không phải con ta vậy. Gia-tài này giao cho rồi. Người ngoài không được tranh dành).

Càng bao lâu phú ông chết, chàng rể càng gia-tài. Nhưng trước khi nhắm mắt phú ông gọi riêng cô hầu đến dặn rằng:

« Ta đã để tất cả gia-tài lại cho thằng Phi đấy. Nhưng nàng phải chịu nhấc như nuôi nó cho lớn. Đến khi nó trưởng thành thì hãy đi tìm một ông quan công-minh, nhờ xét cho sẽ được ».

Nàng hầu cũng hằng hiểu cho rõ-ràng, nhưng khi chồng dặn như vậy đành - đành nhớ lấy. Nàng đợi, đợi mãi, đến khi cậu Phi đã lớn thì mới gặp được một ông quan công-tổng-rông-minh. Nàng đem chuyện mình kể với quan. Quan tỏ ý sự-dầu đuổi, rồi đòi chàng rể cô hầu cậu Phi đến để xử việc gia-tài ấy. Quan ngắt câu chữ cắt nghĩa tờ chúc thư như thế này:

« Dư-kim thất thập tuế, sinh, đắc nhất nam, Phi, ngô tử dã. Kỳ gia-tài giao dĩ tể, ngoài nhân bất đắc xâm tranh » (Ta nay bảy mươi tuổi, sinh được một trai, Phi, là con ta vậy. Gia-tài này giao

cho (Phi). Rồi là người ngoài, không được tranh-dành).

Chàng rể ngẫm nghĩ, không ngờ mình bị đánh lừa từ bấy đến nay, đành phải trả gia-tài lại cho ông vợ.

\*\*\*

Chuyện trên chỉ kể lại cho vui. Chữ các chuyện sau đây mới thực quan-hệ, sách sử chép lại rõ ràng, và nạn-nạn của việc sách chữ Hán không chịu chấm câu, không phải là một chàng rể tham-lam nào, mà lại chính là nhà sử-học nổi danh, ông Georges Maspero. Ông này, nguyên là u Quan-sứ ở Đông-dương; có viết một bộ sử nước Chiêm-thành, nhan đề là « Le Royaume de Champa » (Edition G. Van Oest, Paris et Bruxelles) Bộ sử này in tại tiền đăng ở Trung-Báo (Trung Pao ou Archives concernant l'histoire, les langues, la géographie et l'ethnographie de l'Asie orientale) rồi sau hai lần in thành sách và đã được các nhà khảo-cổ trích dẫn như Léonard Aurousseau 'Louis Faut pho-bình trong Kỷ-yếu của Trường Viễn-Đông bác cổ (B. E. F. E. O.)

1) Chế-Bông-Nga dưới lòng mồm. — Trong « Le Royaume de Champa », trang 211, Maspero thuật việc Lê-Dac, được kinh điển ở Trung-lung, bị Chế-Bông-Nga

Nga bắt sống trong năm 1374 (Xương-phủ thứ hai). Nhà sử-học ấy đã dùng sử cũ ta làm tài-liệu. Về việc ấy, sách « Khâm-Định-Việt-Sử-Thông-Giám-Cương-Mục » (tôi xin gọi tắt Cương-Mục cho tiện) viết như thế này quyển 10 (tr. 44 a).

« Kinh-doãn Lê-Dắc vi sở hoạch, bức hình hạ bái. Dắc viết : « Ngã đại quốc thần là báai nhữ vi ». Mạ bắt tuyệt khẩu. Tặc đại nộ sát chí. (Chức Kinh - doãn Lê - Dắc bị giặc bắt và ép lạy. Dắc nói : « Ta làm quan một nước lớn, sao lại lạy mày được ; » Rồi luôn mồm chưởi rủa, Giặc giận lắm, đem giết).

Hổ rai g như thế. Nhưng Maspéro không chịu ngất râu như tôi vừa làm (ngất ngang chữ vi ; là báai nhữ vi) nên đã đề vào miệng Lê-Dắc một câu tả lời kỳ-quặc như thế này :

« Ông quan một nước như nước ta lại ti lạy một người luôn mồm chưởi rủa như mày hay sao ? » (Comment un dignitaire d'un pays tel que le mien se prosternerait il de vant toi qui ne cesses de proférer des injures ?).

Chưởi đây là Lê-Dắc chưởi, chứ phải Chế-Bồng-Nga chưởi đâu ? Có chưởi mà chết như thế thì mới được vua phong tước « Ma - Tặc - Trung-Tổ-Hầu » chứ. (Cương-Mục quyển 10 tr. 44 a. Đại-Việt-Sử-Ký - và T. Tư quyển 8 tờ 1 b, Đại-Việt-Sử-Ký quyển 8) (1).

Đi ông Maspéro làm ngớ như thế là vì không hiểu rõ câu văn chữ Hán, và không thêm bài bộ sử có giải thích là « Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư »

Thư » và Đại-Việt-Sử-Ký » (2) Hai bộ ấy đều viết :

« Dắc viết : « Ngã đại quốc thần, là báai nhữ vi ». Tặc đại nộ sát chí. Dắc mạ bắt tuyệt khẩu (Dắc nói : « Tao làm quan một nước lớn, sao lại đi lạy mày ! » Giặc giận lắm đem giết. Dắc chưởi rủa luôn mồm).

Trong hai sách này, chữ « mạ » (chưởi) cách xa chữ « nử » (mày) như thế, đủ, hầu như Maspéro có đọc đến, dù xem chữ Hán đen thố nào, ông cũng không đọc được... nhữ vi mạ bắt tuyệt khẩu... rồi dịch rằng : ...mày chưởi... luôn mồm... (toi qui ne cesses de proférer des injures).

Nếu các cụ xưa bắt câu cho rõ ràng chịu khó dung thêm dấu như kiểu dấu ngoặc kép ta thường dùng bây-giờ để « mở » và « đóng » lời nói của Lê-Dắc, thì đâu đến nỗi Maspéro phải làm như thế.

Tôi không có đủ tài-liệu để biết rõ lãnh-tĩnh của Chế-Bồng-Nga, nhưng nếu một nhà viết lịch-sử tiểu-thuyết nào mà báng vào sách của ông Maspéro đề tả Chế-Bồng-Nga thành một người thô-tục, thì cũng tội-nghiệp cho ông vua Chăm anh hùng ấy quá !

2.) Chức Tư-Cai — Vẫn trong cuốn « Le Royaume de Champà » ở trang 256 như thuật việc vua Lê Thánh-tông đại-phá quân Chăm trong năm 1471 (Hồng-dừa thứ hai), ông Maspéro có dịch tờ sắc của nhà vua gọi cho quan Thừa-tuyên - sứ Phủ An - trưởng về việc thâu thêm lương cho binh lính. Nguyên-văn tờ sắc ấy thấy chép trong « Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư » (quyển 12 các tờ 54 b 55 a) và

« Tây-Nam-Biên-Tái-Lục » (quyển 2) (3) ; « Cương-Mục » (quyển 21 tờ 39 a) chỉ lược chép thôi. Trung có một đoạn như thế này :

« Trách sở thu hựu chung vì thực mễ ; vật yếm thời (4) nhật độ nạp Sứ tể. Cai quan khi tạo thảo xá, nghiệm thực lượng nhập, cụ bản tấu vãng. Chăm hựu bỏ cáo, định vì trăm thủ ». (Số gạo thu phải nộp cho chín, đủ mỗi thời-giờ đem nạp tại Sứ tể (tể quan Sứ). Quan ấy dựng nhà tranh, xét cho thực, đóng đồ vào rồi làm sổ tấu về triều. Ai dám trốn tránh, tội chém).

Nhưng ông Maspéro lại dịch đoạn ấy ra như thế này :

« Treo hàng mười ngày nhà-người phải lo thu và nấu cho xong. (Xem tiếp trang 14)

1) Tôi không chưa số tờ của sách Đại-Việt-Sử-Ký là vì tôi không có sách in. Chỉ được bộ sách viết tay số 85 của Bảo-Đại-thư-viện (Hà-Nội) thôi.

2) Không hiểu tại sao ông Maspéro lại chưa rằng có đọc hai bộ sách ấy.

3) Sách viết tay 75 của Bảo-Đại-thư-viện (Hà-Nội), không đề tên tác-giả. Có cả thầy ? của thật những việc xảy ra giữa người Việt với người Lào và người Chăm trong khoảng thế kỷ thứ 15 và 16. Nhưng cuốn nhất mỗi đoạn-chốt. Bạn nào hoặc biết tên tác-giả hoặc có bản sao của bộ sách quý ấy xin làm ơn sao gởi cho tôi đoạn đã mất ấy (từ ngày 18 tháng làm năm giáp-dần tới Lễ-thái-tông đến năm giáp-lô đời Lê-nhận-tông).

4) « Tây-Nam-Biên-Tái-Lục » lại viết là « tuần, nhật » ; vì vậy ông Maspéro mới dịch là 10 ngày.



# 哀 山 行

## Ai Sơn hành

Phổ Bổng KIỀU OÁNH-MẬU

« Ai Sơn hành » nghĩa là bài ca (hành) thương xót tình Sơn, do cụ Phó-bổng Kiều Oánh-Mậu soạn. Cuối đời Tự-đức, quân Pháp từ trong Nam ra cướp Bắc, ý chiếm được Hà-nội rồi ngày 14 tháng 4 năm nhâm-ngọ (1882) gặp tiến phạm vào thành Sơn-tây, sau 4 ngày kháng chiến cự quân ta hợp sức với quân Cờ-đen, thành Sơn-tây cũng bị hãm nốt. Dân hạt Sơn-tây bấy giờ, chịu nhiều nỗi cực khổ khôn kể, phải dịch bọn rợ, bị phạt bạo ác, thuế khóa nặng nề. Nhất là quân Cờ-đen, cái chiến công giúp ta chẳng có là bao, mà sự quấy nhiễu dân ta thì, cho đến bây giờ, các cổ lão này còn truyền tụng những thủ đoạn hung tàn của họ. Cụ phó-bổng Kiều Oánh-Mậu là người tận tâm tận tụy, mục đích cái tâm trạng của dân trong tình, trong lòng thương xót, mới làm ra bài « Ai Sơn hành » rất thống thiết này. Đọc bài này giữa những lời tự thuật rất sáng sủa, rất đau xót của Kiều liên-sinh, ta có thể tưởng thấy cái trạng huống khổ sở của dân ta trong lúc người Pháp đến cướp nước.

Bài « Ai Sơn hành » gần đây do người cháu của tác giả là ông Thiệt Chỉ dịch ra quốc văn theo thể song thất lục bát. Bản dịch này, lời văn lưu loát tự nhiên và đi sát với nguyên văn lắm. Xin đăng lục bản dịch ấy ra đây, để giữ lại một bài văn này và là phần ảnh của một đoạn sử đau thương của nước nhà.

TRÚC-KHÁ

\*\*\*

### NGUYÊN TÁC PHIÊN ÂM

Cao cao Tấn, Đảo, (1) thăm thăm Lỗ,  
 Kỷ bách niên lai nhất thống đồ.  
 Nhất triều hỏa-luân thủy thương phủ.  
 Tấn, Đảo vãn-âm Lỗ lưu vu.  
 Bất tri « Thiên binh » hà xứ khu?  
 Hắc kỳ hà xứ xu?  
 Ngã-quan, ngã quân hà xứ phó?  
 Thế tử vô mệnh, thương-sinh thì mãn đồ.  
 Tại Sơn chi dân hà có?  
 An-miền quỳn tiền tiền trưng tó,  
 Thảo du thân vô nhất vô.  
 Uy xung trúc-lam hựu quân nha,  
 An-như gạch-ngoại hựu gia chử.  
 An-nhật. Tỉnh phát trúc ngoại phủ,

Minh-hật Tấn phải tạo giang-phù.  
 Kim triêu Thanh quan Bắc-ninh dư,  
 Minh-triều Thanh-dũng Hưng hóa từ  
 Huyện-nha từ hạ an trục phủ.  
 Ngã xả, ngã sắc, ngã dịch-phu.  
 Nhất nhất quan-pháp cầm trị-trử.  
 Kỳ tăng cao huyết dĩ khuyên thấu.  
 Doanh đặc nhất trận, cốt thành khó.  
 Nhĩ bất kiến:  
 Khử-niên tam-nguyệt Thăng-long đồ:  
 Kim-niên nhị-nguyệt Nam-hải ngư  
 Tuy nhiên thành phẩm vô tha ngư.  
 Độc-ngã Sơn-dân hà nhĩ thù?  
 Thành vị-vong thời lực dĩ đồ.

Thành ký vọng hậu, mệnh tận đồ.  
 Đường-gia ó ! Lưu-gia ó !  
 Hoàng-gia ó ! Hàn-gia-ó !  
 Tích nhĩ dịch-ngã, vân ngã phù.  
 Kim ký khí ngã hách ngã ô  
 Kỹ lược ngã sản, thiếu ngã lộ,  
 Ngã phụ, nhĩ thế ; tử, nhĩ nê.  
 Ngã lâu, nhĩ-pháo ; cư, nhĩ cầu,  
 Đệ đầu cũng thủ, hươg nhĩ-mô.  
 Nhĩ tiều manh ma vị ngã vu.  
 Yêu đao khởi xứ vô hoàn-phụ.  
 Nhi kim thủy giác Hoàng lão mô,

Tri bạch thư hắc, khước thành ngu.  
 Phù lão, huê ấu, thám-sơn ngu  
 Thám-sơn xê-xứ lạn còn đồ  
 Tương truyền Đoài-phương tỉnh nhất khu  
 Do lai Sấm-ký ngữ hoàn vu.  
 Hu ta hồ ! Hu ta hồ !  
 Thử Sơn có, thử đợc phó !  
 Quý giới bất khả đư,  
 Lão-thương bất khả hồ.  
 Bất tri hà-nhật hậu lại tố ?  
 Chỉ kim hàm lệ, thân thanh thả mạc hu.

\*\*\*

## BẢN DỊCH

Miền Ló Tản nghìn năm nhất thống,  
 Yần cao cao, Ló cũng sâu sâu  
 Ai đến sang mấy chiếc tàu ?  
 Làm cho nước thấm non sâu từ đây !  
 Quân « nhà giới » cao bay xa chạy,  
 Quân Cờ-đen chẳng thấy tăm hơi.  
 Quân quan ta cũng tềch rồi  
 Chỉ còn, nhung-nhức thay phơi đầy đường  
 Dân sơn-cước khá thương vô-lợi,  
 Mấy năm luôn thu dôi thuế tiền.  
 Lại than củi, lại dầu đèn,  
 Lại móng-xung (?) phải nộp thuyền cho quân.  
 Quân như cũng cứ dân đòi hỏi.  
 Lại còn tiền ngạch ngoại lối-thời.  
 Ngày nay tỉnh đắp lũy dài,  
 Ngày mai Quân-từ lại sai bắc cầu.  
 Sang tỉnh Bắc, quan Tàu hộ-tống.  
 Ngược tỉnh Hưng lĩnh Đông bắt theo.  
 Lệnh quan nóng nảy như thiêu,  
 Phạt quăng liềm hái mà liều đi phu.  
 Hễ lui tới trừ trừ nửa bước  
 Lưỡi gươm đưa hót ngược lấy đầu.  
 Thương ôi, máu mủ sạch lâu,  
 Chờ cho thảng-trận xương khô những là.  
 Người chẳng thấy :  
 Thành Hà-nội, tháng ba năm ngoái  
 Tháng hai pay lặn lối Nam thành.  
 Đới nơi vô-lỗ tan-tành  
 Còn chưa khốc hại như hình tỉnh Sơn,  
 Dân tỉnh Sơn khảnh còn đã khổ,  
 Thành mất rồi. người của đọa tan.  
 Cờ-đen cho chỉ Cờ-vàng,

Làm cho trăm họ khóc than đừng ngời.  
 Xưa sai ta, mượn lời báo hộ.  
 Nay bỏ ta, lại dợc ta già.  
 Đã cướp của lại đổi nhĩ  
 Vợ «a kiếp-tróc, con ta tới đòi.  
 Chạy nị bản, ở thời nị trói  
 Cái đập dần lay cối, không tha.  
 Mất mới, nị « tử-nhà ma ».  
 Tay đao vùng-vẫy, thịt da không toàn.  
 Nay mới biết lão Hoàng ?) khôn mánh,  
 Cuộc trốn đến cỡ lịh chẳng ra.  
 Thối, thối đất trề, cồng già  
 Tìm vào hang núi cho qua buổi này,  
 Trong hang núi lại đầy trộm cướp,  
 Tránh lăm sáo khói bọc truân chuyên.  
 Đoài p ương lời Sấm 4 còn truyền.  
 Rằng yện mà có thấy yện đâu mà ?  
 Ấy lịh-cảnh Sơn ta d rợng ấy,  
 Cứ nhữnq điều trông thấy mà đau.  
 Cỗ ám chưa dễ qua cầu  
 Trời xanh kia dấu kẻ qhò không thua.  
 Biết chán-chứa bao giờ ngộ lối.  
 Cứu muốn dân được khỏi cát lăm ?  
 Đành nay nuôi lệ noam tằm,  
 Cùng nhau thử ngắm than ngắm dăm he

(bản dịch của THIẾT-CHI)

1.) Tỉnh Sơn-lập xưa gồm cả tỉnh Vĩnh-gân bây giờ, vì thế Taro đã, cũng thuộc về Sơn-lập.

2.) Thuyền ông nưq cho đi trước để chĩa lố đưq cho thuyền của quan quân.

3.) Hoàng Kê-Viêm làm Tăng-thốq quân-vy phụng mệnh đánh giặc ở Sơn-lập.

4.) Xưa có dân sấm « Đoài-phương tỉnh nhất khu », nghĩa là một vùng Sơn-lập được yên ổn thế dân các nơi nhữnq người đến lánh nạn ở Sơn-lập.



**ĐỀ ĐỊNH CHỈNH NHỮNG BÀI VĂN CỐ**

Unq hóc NGUYEN-VAN-TÔ

Đã định như thế rồi, bèn mượn người thả lưới, bày ra trên kế ngoài phòng để tìm một gian nhà ở sau vườn họ Vương. Hễ tìm được một chỗ ở ngoài đó bèn thả ba chữ Lữn thưng viên Kim Trọng mượn tên, tự gọi nhà mình rằng: "Chỗ vườn này để tên là Lâm Thưng viên và vợ của chúy Kiều và chú Văn, có lẽ na ná là Rõ (thư xếp) một tỷ để ngay vườn thấy những cái rừng cây trúc và các thứ hoa ở đây, đều một màu xanh tươi, đứng dưới lầu gác thật là thanh nhã, à là người cuồng thiêu? Naung Kim - Trọng vô tâm ngoại thượng, cái cội umber gác nào gác qua họ Vương thì đến ở. Mỗi ngày phải mặt tròn xoe, các củ đậu ngửi ngửi, củ quành quai ở dưới trước đông, không ngờ đã hóa một thành, mà không làm thế được nữa, mặt lại người. May một hôm cơ duyên đã dẫn Kim Trọng một miếng lưng lưng ở trong vườn gần núi già sơn dã tiêu khiển, chợt thấy ở trên cành cây bạch đào, có một vật gì sáng quắc như màu vàng bạc long lánh, khác như một chiếc kim thoa, trong lòng nghĩ thầm rằng: "Của này là của trong"

Lại nói Kim Trọng từ khi trông  
thấy hai người con gái vẻ thanh  
ngay đến từ trông, chỉ muốn gặp  
mà không làn thế nào  
được. Một hôm, ngửi ra một  
kẻ, bồng bảo đã rằng : « Minh vào  
lầu một người ở một nơi, nếu có  
eo duyên cũng khó lòng hội ngộ  
tại nhà tôi. Một gian buồng nào  
ở bên cạnh, làm một thư phòng  
thì may ra mới có cơ hội ngộ »

khăn-cát đây, rồi lấy gậy tre  
kể tường xem, quả nhiên là một  
cảnh kim-thoa chạm con phượng  
bụng bảo da rằng: Những đồ  
trang sức bằng vàng thế này,  
tất là bảo- vật của mỹ-nhân; thoa  
này chắc là của hai con gái họ  
Vương, không hiểu tại sao lại rơi  
vào đây. Chắc thế nào cũng có  
người đến tìm. Nay đã lạc vào tay  
mình, thế nào cũng có cơ  
duyên. Lại nhìn xem quang-  
cảnh thế nào, trong lòng  
mừng lắm, đi qua gả-sơn,  
nhìn một lần nữa, rồi về  
phòng. Đến sớm hôm sau,  
chợt thấy ở dưới bóng cây  
dâu tằm, lấp-lấp như  
có hòn ngọc. Kim-Trọng đã  
biết định là người con gái,  
vội vàng lấy kim-thoa ra đến  
trước cửa sổ, nói to lên rằng:  
« Có một cảnh kim-thoa rất  
đẹp, không biết của mỹ-nhân  
nhà ai đánh rơi, tôi đã nhặt  
được đây, định đem trả, nhưng  
không thấy ai, mà cũng không  
biết họ đang nào. » Nói to  
lên như vậy, như thế, chợt nghe  
nghe tiếng người con gái  
đi ngang nói rằng: « Thoa ấy  
của ai đánh rơi, người quân  
tử đã ở đây rồi, như thế  
hoàn lại cho tôi. » Kim-Trọng  
vội vàng đáp: « Thế ra thoa  
của cô là ngọc đây, vậy cô  
lại là phải. » Vừa nói, vừa  
nhìn người con gái, không ngờ  
tránh về một bên, không rõ  
người là ai. Người con  
gái chỉ nói rằng: « Tôi là người  
tìm được ngọc, tôi lấy đem  
chạm ngọc, tôi phải trả lại Kim-  
Trọng. » Nói xong, liền đi.

Trọng thấy con gái tránh mình,  
lại nói to lên rằng: « Có đã  
không hoa của cô, thì lẽ  
nào tôi không trả. Nhưng cô  
nếu xem kỹ lại, kéo nhâm. »  
Người con gái đứng cách  
tường, đáp rằng: « Chiếc thoa  
kim-phượng ấy, ở bên bắc, năm  
ngọc, trên có ba hòn, từ  
tám sơn bằng ngọc thạch, chín  
hạt châu châu, xin chàng xem  
cho có phải như thế không? »  
Kim-Trọng trả lời: « Đúng như  
thế, không sai, lý nên hoàn lại,  
nhưng phải gấp mặt đưa lại  
ta mới hợp. » Người con gái  
ngắm nghĩ hồi lâu, không hề  
nào trả, đành phải  
đánh bao bọc ra gấp mặt.  
Kim-Trọng trông thấy rõ ràng.  
Thủy-Kiều không ngờ mình đã  
nói như thế. Thoa này, ngọc của  
cô đánh rơi, tôi là Kim-  
Trọng, nhặt được, trả lại cho  
cô, lại vì thế mà ở đây này  
phượng dung, thực là...  
Thủy-Kiều cũng đã  
biết là Kim-Trọng, nhưng không  
nói ra. Cô nàng liền nói  
sao, chàng lại nói rằng: « Tôi  
bằng tin như thế? Chàng  
lại cho em, thế này, tôi  
xin em, gấp cho tôi, mà  
không phải gấp lại, nhất định  
chàng phải trả lại, thế mới là  
cao. » Cô em biết là vậy, mà  
báo rằng Kim-Trọng rất tốt,  
thoa này giá trị bao nhiêu,  
mà nói là báo giá, đáp em, tôi  
không thể trả được. Cô em  
lấy kim-thoa, xin cô nàng  
đưa. Thủy-Kiều nói: « Bọn  
đánh rơi, tôi là người con gái,  
nếu em không trả, tôi sẽ... »

hải hoa đào, vô ý vương lại.  
Chàng mà nhặt được, cũng là  
ngẫu nhiên, chứ có việc gì mà  
gọi là kờ-âm? » Kim-Trọng  
nói: « Chàng vì một người  
được thoa một người mất thoa,  
cũng là vô tâm, mà lại một  
bên được thoa, một bên mất  
thoa, tự nhiên gấp mặt. Há  
chàng phải là duên gió đưa  
lại? Tôi là một kẻ giữa đường,  
chính không nên khinh xuất  
duyên tốt, nhưng sợ duyên  
giờ không có lần thứ hai, gấp  
mặt lại, ắt khó, nên tôi đem  
một đoạn, khổ tâm một nhật  
được kim-thoa ấy, kể lại cho  
nghĩa, mong có tha thứ. » Thủy-  
Kiều nói: « Không sao, có việc  
gì chàng cứ nói thẳng: em  
muốn nghe câu chuyện lạ, là  
vì nhặt được kim-thoa mà lại  
nói là kờ-âm. » Kim-Trọng  
nói: « Tôi sợ là kẻ bắt nạt,  
nghe đến việc này, liền  
như đem cả tính mệnh; lần  
này vẫn nghe cô nương nói  
thẳng, tôi cảm động, vậy kờ-âm  
bị kờ-âm, vậy không được  
trả, cô nương gây đàn bao... »  
May sao, trời rui rui cho tôi  
được gặp, tôi đứng trước,  
kiến cô em, tôi nói ra  
trung tâm, nhưng tiếc rằng mình  
không ở đây, không thể gặp  
cầm tay lên, cảnh hôn tra  
dây, tôi phải báo phỉ bợ  
báo phỉ, làm lư, cảm ơn  
này, kể một bữa, đến  
nay, ngày đêm mà mãi ở  
trước đây. Cao để này  
giờ, tôi nhất định  
thoát được ra mắt, ở đây  
... (Xem tiếp trang  
141)

**N**ƯỚC VIỆT - nam ta chưa có ngân-hàng phát - hành. Láo chúng tôi viết đến đây, quyền phát hành giấy bạc vẫn ở trong tay một nhóm tư-bản pháp: Đông-dương ngân-hàng — và người Việt-nam vẫn phải dùng giấy bạc của một ngân-hàng ngoại quốc — tởm hơ nữa: của một ngân-hàng thù địch.

Thật là trái ngược, mỉa mai và chua cay!

Vì vậy nhiều người đang băn-khoăn và vấn-đề thực-chất.

\*\*\*

Thực chất là gì?

Thực-chất là chất dùng làm đảm-bảo cho giấy: là bạc trong thời-kỳ ngân bản-vị; là vàng trong thời-kỳ kim bản-vị.

Sắc-lệnh (1) ngày 31 tháng 5 năm 1930 định giá thực-chất của \$ đông-dương như sau này:

« Đông bạc, đơn-vị tiền-lệ của xứ Đông-dương, làm bằng 0 gam 655 ly vàng, tỷ-số thực-chất 0,900 ».

Dùng vàng làm bản-vị cho \$, sắc-lệnh ấy lại còn đòi bản \$ đông-dương vào đồng Phạt-lăng:

« Đông bạc, đơn-vị tiền-lệ của xứ Đông-dương, làm bằng 0 gam 655 ly vàng, tỷ-số thực-chất 0,900. Đó là giá trị của 10 phạt-lăng định theo luật ngày 25 tháng 1 năm 1928 » (2)

Như vậy là, trên thị-trường quốc \$ đông-dương có vẻ như một loại tiền — gấp đúng 10 lần — phạt-lăng. Bởi thế, bề giá phạt-lăng thay đổi, là giá \$ đông-dương cũng bị thay đổi: \$ đông-

dương hoàn-toàn phụ thuộc vào phạt-lăng.

\*\*\*

Từ 1930 đến nay, giá thực-chất của phạt-lăng đã sụt nhiều lần.

Lần thì viễn cơ là do khủng-khịch việc sản xuất. Ví dụ: giá 1 lít sấm-banh, bán quen bán ở Mỹ là 1 đôn-la (US \$) hay là:

1 US\$ là 0 gam 886713 vàng  
1 phạt-lăng là 0 gam 0655  
= 13 phạt-lăng 57.

Nay, làm sụt giá phạt-lăng, từ 0 gam 0655 xuống 0 gam 049, thì 1 lít sấm-banh bán được:

0,886713  
— 0,049 = 18 phạt-lăng 13, tức là

đắt hơn lần trước gần 5 phạt-lăng.

Lần lại viễn cơ là do tranh thị-trường quốc-tế: cũng 1 lít sấm-banh, giá bán 13 phạt-lăng không thay đổi, nhưng thay đổi giá thực-chất bằng vàng của 13 phạt-lăng:

0,0655 x 13 = 0,886 : 1 US\$  
0,049 x 13 = 0,637 : 0 US\$ 78  
tức là, đối với người mua, 1 lít sấm-banh rẻ hơn trước 0 US\$ 22.

Lần thì do chính-phủ có cách trả nợ. Giá thực-chất đang là 0 gam 0655 nếu hạ xuống 0 gam 049, thì số vàng của ngân-bank phá-bank — dùng làm đảm-bảo cho giấy bạc — tự-nhiên hưởng một thiệt-dư. Ví dụ số vàng ấy là 100 cân, thiệt-dư bởi sự sụt giá của phạt-lăng sẽ là:

100.000 100.000  
— 0,049 0,0655 = 47.328 phạt-lăng

Đó là phần tiền thiệt-dư ấy; tự-nhiên chính-phủ có số tiền 47.328 phạt-lăng để trả bớt cho ngân hàng phát hành những món

## GIẤY BẠC VÀ THỰC-CHẤT

NGÔ CÔNG

nợ mà chính-phủ thường phải vay ở ngân-hàng ấy.

Việc thay đổi giá-trị thực-chất của đơn vị tiền-lệ cần-cứ vào những nguyên-nhân thuộc về tài-chính. Có lợi nhưng cũng không khỏi có hại và thường thường lợi, hại ít khi ngang nhau.

\*\*\*

Từ lúc \$ đông-dương theo kim bản-vị, phụ-thuộc vào phạt-lăng, \$ đông-dương đã bị sụt giá 5 lần, vì đồng phạt-lăng đã 5 lần sụt giá:

Tỷ số thực-chất không thay đổi (0,900), giá thực-chất của đồng phạt-lăng đã sụt từ:

0 gam 0655 xuống 0 gam 049.  
theo đạo luật 1/10 1936:

0 gam 049 xuống 0 gam 042  
theo sắc-lệnh 30/6/1937:

0 gam 042 xuống 0 gam 0275,  
theo sắc-lệnh 12/11/1938:

0 gam 0275 xuống 0 gam 02334,  
theo sắc-lệnh luật 29/2/1940:

0 gam 02334 xuống 0 gam 02222,  
theo tin ARIP ngày 13/3/42. (3)

Vậy thì giá thực-chất của \$ đông-dương hiện-thời phải kể là 0 gam 2222 vàng có 0,900 nguyên-chất, hay là gần đúng 0 gam 200 ly vàng nguyên-chất.

Giá trị 200 ly vàng định giá của \$ đông-dương trên thị-trường quốc-tế. Mọi cọn số ấy ra đây, tôi không có ý định xui mọi người làm kinh-bản để biết chúng ta mỗi người có mấy cân vàng.

Vả lại, làm cái tính nhân ấy cũng vô ích, vì cái mục:

0 gam 200 = 1 \$ đông-dương chưa thay đổi, mà giá vàng đã lên, xuống rồi.

Giá thực-chất của \$ đặt ra chỉ để làm cái mục so sánh với \$ tàn, đồng « yen » của Nhật, đồng « đôn-la » của Mỹ, đồng « Linh » của Anh... Giá thực-chất của \$ đặt ra để cho \$ có một bản vị quốc-tế.

Với người nước khác, việc buôn bán cần phải có thực-chất, nghĩa là cần phải có vàng. Chỉ cần biết vàng, họ phải làm cái tính nhân lúc này, để thanh toán những việc đổi chác giữa hai nước. Đó tức là công việc của ngân hàng nước này với ngân hàng nước kia.

Trong một nước với nhau, như ngài với tôi, không cần bận tâm đến cái giá thực-chất của \$.

\*\*\*

Ta chỉ nên biết giá đổi chác của \$.

Giá đổi chác cần phải đứng vững, để làm chắc chắn đời sống của người làm ra tiền. Nhưng không thoát khỏi chi phối của luật cung cầu, giá đổi chác lên, xuống tùy theo sự sản xuất và sức tiêu thụ. Ví dụ đến vụ chiêm, thóc gặt được nhiều, thì 200 \$ bây giờ mua được 100 cân thóc, bấy

giờ có thể mua được 140 cân thóc: người ta nói giá đổi chác của \$ lên. Ngược lại, vào dịp Tết, ăn uống nhiều, tiêu phí nhiều giá đổi chác của \$ xuống.

Ở những năm bình thường, ta có thể dò xét được sự thay đổi giá đổi chác của \$.

\*\*\*

Giá đổi chác bị lật cung cầu chi phối, lại còn bị tâm lý chi phối nữa. Từ 1939 trở đi, lòng tin của người Việt nam đặt vào \$ bị rút dần; trăm người đã lý luận như một: nước Pháp dở, chính phủ Đông dương dở, Đông dương ngân hàng dở, thì \$ đi đời!

Giá đổi chác của \$ sụt mãi. Ta thấy hàng hóa sản và mỗi ngày một cao ta la ó: sinh hoạt đắt đỏ! Thực ra, hàng hóa không cao, sản vật không cao, sinh hoạt không đắt đỏ, chỉ có giá đổi chác của \$ sụt.

Sụt vì ta không tin ở \$ Sụt vì ta đã lý luận gẫu đúng: Nước Pháp đã dở, chính phủ Đông dương đã dở.

Nhưng Đông dương ngân hàng vẫn còn: cơ quan đảm bảo \$ vẫn còn.

\$ chưa đi đời. \$ vẫn có giá đổi chác.

Và nếu ta áp dụng lòng tin vào \$ cho đúng thời-cuộc, giá đổi chác của \$ sẽ từ từ lên.

Cứ bình tình mà xét, ta thấy: Đông dương ngân hàng, ngân hàng phát hành giấy bạc, đứng nguyên sau vụ đảo chính 9/3/1945. Một sự thực cho phép ta tin vào \$.

Sau vụ đảo chính, Đ.D.N.H. đặt dưới quyền kiểm soát của chính phủ hiện hành (tạm thời do người Nhật chủ trương). Những tài sản của Đ.D.N.H. ở trong nước và ở ngoài nước đã được ghi chép, trữ lại và không bị suy suyền đảm bảo của \$ vẫn còn nguyên. Hai sự thực cho phép ta tin vào \$.

Chiến tranh chưa biết gần hết hay còn lâu, nhưng rồi cũng phải đến ngày kết liễu. Thủ thế bất hợp pháp hiện thời của Đ.D.N.H., một công ty ngoại quốc nắm quyền phát hành giấy bạc, rồi cũng sẽ đến ngày thay đổi — và sẽ thay đổi lợi về phần chúng ta. Ba sự thực cho phép ta tin vào \$.

\*\*\*

Còn gì rõ thế làm cho chúng ta bị quan?

Giá thực-chất không bao giờ đem ra dùng với từng người. Có những vụ kiện ngân hàng phát hành ở các nước đã xảy ra, nguyên nhân vì thực-chất

Sòng bạc Đ.D.N.H. ở nước ta không có những con bạc cứng đầu. Ta ít nghe những vụ kiện Đ.D.N.H. về chuyện thực-chất. Cổ lai, chỉ có một vụ mà trong vụ này con bạc cứng đầu lại là một người Pháp.

(Xem tiếp trang 39)

- 1) của chính-phủ pháp.
- 2) « Đông phạt-lăng đơn vị tiền lệ của nước Pháp, làm bằng 0 gam 0655 vàng, tỷ-số thực-chất 0,900 ».
- 3) Việc thanh toán giữa Đông dương và Nhật bản đã đứng con số 0 gam 2024308 năm 1941-42-43.

# VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 13

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ở chương thứ mười hai trong quyển *Việt Nam văn học sử yếu*, ông Dương Quảng Hàm viết một bài đề là « Hàn Thuyên » và tác nhà mô phỏng ông » (tr. 106), trong có câu «... ông (Hàn Thuyên) có thể coi là ông tổ văn nôm, loại văn bác học, có theo qui-cử nhất định ». Câu ấy hình như không rõ tôi tưởng nên chưa là « ta có thể coi ông Hàn Thuyên là tổ thơ phú nôm, loại văn có qui-cử nhất định » đặt chữ « ông » trên chữ « có thể » sợ nhầm là ông Hàn Thuyên tự coi là ông tổ, chứ không phải người đời sau. Ba chữ « tổ văn nôm » thì chữ « văn » không ổn, vì chữ văn gồm cả lối tự - ngữ ca-dao, — lại trái với câu trên là câu « trước đời Hàn Thuyên, quốc-văn ở nước ta chỉ có tự-nữ ca-dao, nghĩa là loại văn bình-dân và truyền khẩu » (tr. 106). Thế thì ông Hàn Thuyên là tổ văn nôm sao được ? Còn hai chữ « bác học » cũng nên xóa vì học rộng thì chỉ thuộc nhiều đến - đ, chứ chưa chắc đã có khiếu làm văn. (Ta thử đọc bài *Nóng phũ thân* của cụ Yên-dồ dưới đây, thì biết là có « qui-cử » mà không phải « bác học »).

Mấy năm làm ruộng vẫn là  
Chiêm mất đang chiêm, mùa

Phần thuế quan thu, phần trả

Nửa công đưa 2 nửa thuế bỏ;  
Sớm trưa đưa muối cho qua  
Chợ bún giã cau chắt dấm  
Tần tiện thế mà còn chẳng đủ,  
Lo sao cho được đề mà lo ?

Có phải rõ ràng tám câu chỉ có một hơi mà không cần đến cổ nào cả ?

Đến đoạn ông Hàm nói: sử chép « vi văn đầu chỉ giang » nghĩa là (Hàn Thuyên) làm văn róm xuống sông, ông kết rằng: « sử không chép rõ là viết theo thể nào và làm bằng Hán văn hay liệt - văn: (v) ta cũng không nên vội cho — như ý kiến thông-thường — rằng bài ấy là một bài văn-tả và viết bằng tiếng nôm. Chỉ khi nào tìm thấy nguyên-văn bài ấy mới giải quyết được vấn đề ấy » (tr. 106). Tôi thiết - nghĩ nên xóa cả đoạn, từ chữ « sử không chép rõ » trở xuống vì xem năm chữ « vi văn đầu chỉ giang » cũng đủ biết là làm bằng Hán-văn, nên làm bằng nôm thì sử vẫn có lẽ chép thêm hai chữ « quốc-âm » hay « quốc-ngữ »: xem đây câu chép ở quyển Hàn Thuyên và Nguyễn-sĩ-Cổ dưới đây thì rõ. Còn câu văn, có lẽ là văn-tả, có là văn-tả thì mới giống truyện Hàn Dũ, mà được vua cho làm họ là Hàn.

Câu Hàn - luật dịch ở sử chữ nho, xem như không gọn, ông

Hàm dịch như thế này: « Hàn-Thuyên có tài làm thơ phú quốc-ngữ; người đời ấy nhiều người bắt chước. Đời sau, thơ quốc-âm gọi là Hàn luật là vì thế » (tr. 106-107) nguyên chữ nho là « Thiệu vi quốc-ngữ thi phú, nhân đa hiệu chi. Hậu vi quốc-âm thi viết Hàn-luật giả dĩ hử », thiết tưởng nên dịch là: « Hàn Thuyên giỏi thơ phú quốc-ngữ, nhiều người bắt chước. Vì thế về sau, thơ quốc-âm gọi là Hàn luật ».

Trang 107 nói về Nguyễn-sĩ-Cổ, ông Hàm cũng dẫn sử, nhưng lại dịch thiếu. *Sử Khâm-định* (q. 8 tờ 4a) chép rằng: « Sĩ-Cổ thiện khôi-bái, nhân nghị chi. Đồng Phụng-Sắc; hựu thiện tác quốc-âm thi phú, nhân đa hiệu chi » nghĩa là « Sĩ-Cổ giỏi khôi-bái, người ta ví với Đồng Phụng-Sắc; lại giỏi làm thơ phú quốc-âm, nhiều người bắt-chước ». So với câu của ông Hàm chép « ông có tài làm thơ phú quốc-âm và khéo khôi-bái, người đương thời ví ông với Đồng Phụng-Sắc ». Hai chữ « thiện », một chữ dịch là « có tài », một chữ dịch là « khéo » và bỏ sót câu « nhiều người bắt-chước ».

Trang 108, ông Hàm dẫn sử về truyện Hồ Quý-Lý cũng thiếu. *Sử Khâm-định* (q. 11 tờ 3b) chép rằng: « tượng hoàng cho Quý-Lý cơ và kiển »; ông Hàm chép « cho Quý-Lý một thanh gươm »,

thế là bỏ xốt chữ « kỷ » là cớ. Nhưng ông Hàm có tìm được một câu ở Đại Việt sử-ký toàn-thư (q. 11, tờ 38a) chép rằng: « năm đinh-tý (1437) vua Lê Thái-tông muốn xem thử-chiếu và thơ văn của họ Đỗ, Nguyễn-Trãi lược nhai chép ra được vài chục thiếp thơ văn bằng quốc ngữ đáng lên. » Đó là một điều ít người biết, mà sử Khâm-định lại lược đi; ông Hàm thực có công với quốc-văn, ông đã tìm được một thứ tài liệu rất

Đến đoạn « các nhà mô-phỏng Hàn Thuyên » (tr. 107) ông Hàm chỉ lấy truyện Nguyễn-sĩ Cổ, Chu-An và Hồ Quý-Lý thế thì cũng thiếu. Ngay năm 1306 Trần Anh-dong sai Nguyễn-sĩ Cổ giảng Ngã kinh, có việc gả công-chúa Huyền-Trân cho vua Chăm-thành: « văn-anh trong triều ngoài nội phần nhiều mượn vệc vua Hán gả Chiêu quân cho Hung-nô, làm thơ từ quốc-ngữ để chế cười khâm-chi » (Triều dã-văn nhân da tá Hán-hoàng đế Chiêu-quân giá Hung-nô sự, tác quốc-ngữ thi từ phùng thịch chi) (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 6, tờ 21a-b). Việc gả Huyền-Trân về tháng sáu, tác là trước việc bỏ Nguyễn-sĩ-Cổ (về tháng chín), thế là văn-nhân trong nước cũng đã mượn người bắt-chước Hán-luật mà làm thơ quốc-ngữ trước Nguyễn-sĩ-Cổ.

« Đến kỳ in lại, ông Hàm nên thêm đoạn ấy vào chỗ « các nhà mô-phỏng Hàn-Thuyên » mà chữ « Hàn Thuyên » nên đổi làm « Hàn-luật » mới phải nghĩa.

(Còn nữa)

Ung-học NGUYỄN-VAN-TỐ

## Tài liệu để đính-chính.

(Tiếp theo trang 9)

Cử nghĩ như thế, bà chẳng phải khổ tâm mới nhất, được kim thoa này ư? Xin cô trông hèn-tình mà tha thứ cho tôi được phần nhờ ». Thủy Kiều nghe nói, không ngờ bà mà ứng-hoàng, nín lặng một lúc, rồi bà lên tiếng dài nói rằng: « Chàng thật là người đa tình, nhưng em là phận liễu-hồ, không dám tự chủ, đã được chàng đem ái-tình kể hết, giai chưa có vợ, gái cũng chưa chồng, biết đâu chàng là cái kẻ bá-hiền giai lão chẳng? Còn như nhân yêu mà sinh tình, nhân tình mà thất tiết thì em tuyệt nhiên không muốn nghe ». Kim Trọng nói: « Cô nương hãy lòng kết duyên, tần tần, tức là tiểu sinh được toại nguyện, dám đâu nghĩ đến chuyện mây mưa, là cử chỉ bất lương, chỉ xin cô nương một lời thề rằng, để thỏa tâm, lòng khát một bấy nay ». Thủy Kiều thưa: « Lòng chàng như ngọc, ý em như vầng, này không đặt bàn thề, nhưng không ai trái đổi ». Kim Trọng nói: « Thề để tỏ việc thề hiếu, thì có hại gì? Thủy Kiều bảo rằng: « Chàng đã muốn nư thế, em dám dám từ, nhưng xin để ngày khác, này đứng lâu, sợ có người trông thấy không tiện. Xin đưa cho em cái kim thoa để em đi ». Kim Trọng nghe « Tương thề tạo, người thì tiếp, không lẽ đưa cảnh thoa-quà mừng được, để tôi đi lấy một cái ghế

hoặc vật gì để tiếp cho cao lên ». Nói rồi, về phòng lấy một đôi dây bạc, năm lạng bạc trắng một cái khăn lau mặt, rồi bà thắp ở cửa giả-sơn, lên lầu gác cầu tường, dùng Thủy-Kiều đổi dợ, tại tay nàng kim-thoa và cái p. Bà vật đưa Thủy-Kiều, cử chỉ rất cung kính, ý như dâng một lễ-vật lên người trên, vừa đưa vừa nói rằng: « Vì-thành một chút công đáng là bao, xin dâng làm lễ tạ-kiến ». Thủy-Kiều thưa rằng: « Cảnh thoa thì em xin vâng lĩnh, còn các hậu-lễ thì em không dám nhận ». Kim-Trọng nói: « Đó là chân-tình của tiểu-sinh, cô-nương lại còn khách sáo làm gì, cho khổ lòng tiểu-sinh ». Thủy-Kiều cười rồi nhận cả, nhận có cái quạt cầm tay và cái khăn tay ở trong túi áo, đưa lại để đáp lễ. Vừa xong, thì chợt nghe bên ngoài có tiếng người, ở xa đi tới, hai người đều chia tay, làm cho người ngoài không ai biết. Kim-Trọng từ bấy giờ trông lòng « lo lắng khoan thân trí tính tường, việc gì dễ sẽ nổi. Nay chỉ nói từ khi Thủy-Kiều về đến phòng, nghĩ thầm rằng: « Kim-Trọng thật là người chí-tinh, ta lại là người có một bầu máu nóng, ngày nay gặp bạn tri-âm... » Một mình nghĩ vơ nghĩ vơ, vào khoảng nửa đêm, cảm tình Kim-Trọng, mừng mà không ngủ, ngủ bưng một bài thơ như sau này:

Nữ tử phượng xuân lộ

Nhi gia nhận đắc chân.

(Xem tiếp trang 17)

## GEORGES MASPERO

(Tiếp theo trang 4)

Rồi đề vào những nhà tranh do chức Tư-Cai (chữ đọc ti hoặc tư đều được) dựng lên. Nhà-người phải kiểm-soát việc ấy rồi tâu về Đồng-Tất, (Vous vous occuperez à le recueillir et faire cuire dans un délai de dix jours et le ferez emmagasiner dans des pailloles construites à cet effet par l'officier du grade de Tư-Cai. Vous surveillerez cette opération et m'en rendrez compte).

Sở dĩ ông Maspéro dịch khác như thế là vì đã đọc và ngắt sai đoạn văn ấy như thế này :

« .. Vật yếm tuần nhật đệ nạp. Sử Tư Cai quan k'ỉ tạo thảo xê... » Theo ngữ kiến thì tướng nên ngắt ngang chữ « ti » (tư), còn chữ « cai » thì phải để cho cân dưới. « Sử ti » là ti quan Sử (Thừa Tuyên, Sử Phủ An trường); giống như bây giờ người ta viết Lại Bộ ti, Lễ Bộ ti v.v... Cai quan nghĩa là ông quan ấy như bây giờ người ta viết y quan, y viên : quan ấy, viên ấy (chữ cai hủ nên không dùng nữa).

\*\*\*

Ông Maspéro làm như trên là vì không nhận rõ nghĩa của văn chữ Hán (5); nhưng xét trong xử ta có lắm đoạn, vì tác giả không chịu ngắt cân, đánh dấu cho rõ ràng, nên cũng khó cắt nghĩa cho xuôi, cho minh bạch. Nay tôi xin trình một chuyện làm ví dụ và cũng cốt để cắt chỉnh bừa các bậc cao minh trong nước :

Thuật đến đoạn vua Chăm Ma Ha Bí Cai bị các tướng Đại Việt Lê Khả, Lê Thọ bắt (1446, Thái hoà thứ 4), cháu là Mạc Ha Quý Lai sai sứ ra xưng thần, xin phong mình làm vua Đại Việt Sử Ký Toàn Thư (q 11 tờ 62 a), Cương Mục (q. 17 tờ 30 a), Tây Nam Biên Tái Lục (q. 2) đều viết :

« Quý Lai sứ ký thần Chế Cự Ma Nô Bà By dâng phụng biểu xưng thần (6) ... » Quý Lai bày (tôi là) bọn Chế Cự Ma Nô Bà By dâng biểu xin hàng... »

Vậy thì trong giòng sáu chữ ấy có mấy người Chăm ?

Ông Georges Maspéro không giúp tôi được điều gì. Vì ông tự tiện thêm một chữ Nô nữa rồi bảo :

« Quý Lai sai bày (tôi là) Chế Cự Ma Nô và Nô Bà By dâng biểu xin hàng » (Quý Lai ordonne à ses sujets Chế Cự Ma Nô et Nô Bà By de présenter à la Cour d'Annam un placet faisant acte de soumission. « Le Royaume de Camps » trang 232).

Tôi không hiểu nhà sử học ấy đã bẻ vào là liệu nào và lý lẽ gì để viết như thế, hay là ông cho rằng sáu chữ chưa đủ rắc rối, nên thêm vào một chữ nữa chơi !

Đọc sử một nước nào, nếu gặp những đoạn lời thôi (như việc này chẳng hạn), thì nhiều khi tìm trong sử các nước lân cận, hoặc may thấy được đôi chút ánh sáng nào chăng. Nhưng về Tàu (Minh sử, liệt truyện,

cuốn 324) thì, về việc ấy, chép quá sơ lược. Còn sử Chăm ? Lại càng vô ích nữa : người ta thường bảo một dân tộc sung sướng không có lịch sử, nhưng một nước quá đau khổ như nước Chăm hồi bấy giờ thì lại quên mất lịch sử của mình ! Vậy chỉ còn một cách là gắng mà hiểu sử ta vậy.

Về phần tôi thì tôi nghĩ như thế này : theo người mình Ôu, Ma, Trà, Chế là bốn họ Chăm. Vậy thì trong giòng sáu chữ ấy ta thấy hai người là Chế Cự và Ma Nô Bà By.

Bấy lâu tôi vẫn cho ngắt như thế là đúng nhưng đến khi viết bài này tôi lại dăm ra nghĩ ngờ. Sở dĩ tôi nghĩ là vì các lý do sau đây :

1) — Người mình bảo Ma là họ Chăm, đã đành ; nhưng cũng có khi người mình viết Ma là tên Chăm hoặc một âm của tên Chăm. Thái sử ta đã chẳng chép tên một người con trai của Chế Bồng Nga là Chế Ma Nô Đa Nâu đó sao ? (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư quyển 8 tờ 12 a, Cương mục quyển 41 tờ 14 b). Như thế thì trong giòng sáu chữ nói trên kia có thể có hai người là Chế Cự Ma Nô và Bà By. Chữ Bà cũng có thể là họ Chăm : sử cũ đã chép một ông vua Chăm tên là Ba Mỹ Thuế (làm vua vào khoảng cuối thế kỷ thứ 10) và một người Chăm tên là Ba Thái (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư quyển 12 tờ 63, Cương mục q. 22, tờ 3 b) Ba ma chép trại ra thành

Bà, hoặc Bà chép trại thành Ba, điều ấy có thể lắm. Các cụ xưa nghe, người Chăm gọi nhau rồi phiên âm ra chữ Hán, miễn nghe hơi giống chữ làm thế nào cho thực đúng được?

2. — Nhưng phân-tả-h theo hai cách vừa nói trên kia thì xem không được chán-cái lắm. Các bạn thử đọc kỹ xem: Chẽ-Cựu-Ma-Vô, Bà By hoặc Chẽ-Cựu Ma-Vô-Bà By. Hay là có cả ba người: Chẽ-Cựu, Ma-Vô và Bà By?

3. — Hay là chỉ có một người (7) là Chẽ-Cựu-Ma-Vô-Bà-By? Tiếng Chăm vốn chữ -âm, các cụ ta phiên ra thành chữ Hán phải viết nhiều chữ mới được. Theo các bia Chăm mà các nhà khảo cổ đã đi ra thì tên Chăm rất dài, như kiểu thế này: Ja a Injavarman, Paramesvaravarman v... v...

\* \* \*

Xem như trên thì thấy việc ngắt câu sách chữ Hán cũng có lắm trường-hợp khó khăn nhất là khi gặp tên người tên đất. Sở của ta, tuy là những tài-liệu rất quý nhưng tự-trung-ôn-nhiều-nghi-đề-m, nhiều chỗ chép sai (8). Nay, vì một lẽ gì (như ngắt câu không đúng theo ý tác-giả chẳng hạn), ta lại dịch sai một lần nữa. Như thế thì sai nọ chớng tròn tiếp với lầm kia người dịch sẽ đưa độc-giả đi xa sự-thực. Vì vậy nên viết lại b sử ký sự cần phải thận-trọng lắm vậy.

Mãn-Khánh DƯƠNG-KY

5) Kể ra, vì không nhận rõ nghĩa của nền chữ Hán, nên ông Maspéro còn viết sai nhiều nữa. Có chỗ ông Maspéro vô-linh giữa cái lăm của mình dưới một cách hành-văn rất khéo, nên lại càng nguy-hiểm cho độc-giả hơn nữa. Thật trận Chẽ-Bồng-Ngã đi xuống núi ra đánh

ở Quảng-Oai, trong năm 1323 (Xương-Phà thứ 7). Ông Maspéro viết: « Le vicl Empereur, affolé, envole Lê-Mat-Ôn à la recherche de Hennem. En vain ce général, à la tête de Tam kỳ-châu répartit ses hommes en carrés égaux. Chẽ-Bồng-Vô. jusqu'à là inviolable précepte sur eux ses éphes qui les sentent aux pieds et en fait un effroyable carnage. » (Le Royaume de Champa, trang 214).

Đọc đoạn văn này như thế, « sống, (vivants), như thế, thì chắc các bạn không khó tưởng tượng Lê-Mat-Ôn hết sức trở lại, biến linh thần h hình sống để chống với quân Chăm.

Nhưng theo sử ta (mà ông Maspéro đã dùng làm tài-liệu) thì có phải thế đâu! Cương-Mục quyển 10 từ 51 viết như thế này: « Mat-Ôn chỉ Tam kỳ-châu phương lệt trận đối cự. rồi phân kỳ... Mat-Ôn ở Tam kỳ-châu vừa lệt lặt an để đối-cự. thì thì h-linh phụng binh của giặc đến... ». Phương đây nghĩa là vừa, chứ có phải nghĩa là xuống đâu. Thế mà ông Maspéro bảo Lê-Mat-Ôn giải lệt thành từng hình vuông, rồi lại viết thêm các hình vuông ấy đều nhau (carrés égaux) ! Muốn nói Lê-Mat-Ôn giải linh thành hình vuông thì sử thần ta viết: lệt phương trận, chứ đâu nào lại viết: phương lệt trận bao giờ. Có lẽ đọc đến đoạn ấy trong sử ta, ông Maspéro nhớ đến trận Waterloo của lòng không được, với hạ hai chữ « carrés égaux » chẳng?

Người xưa đã dạy: Hoàn-toàn tin vào sách, chẳng bằng g không có sách, thực là chi-lí.

6) Đại-Việt-Sử Ký-Toàn-Thư viết: «... sai kỳ thần Chẽ-Cựu Ma Thúc Bà By dâng... »

7) Trong sách Tầm cũng như trong sách ta viết bằng chữ Hán, có khi người nói một bộn nhiều người nhưng chỉ viết tên người quan-trọng nhất rồi thêm một chữ nữa. Ví như: « Kinh-diễn quan Trấn-Thông dâng (Đại-Việt-Sử-Ký Toàn-Thư, quyển 13 từ 1 b).

8) Không kể đôi nghi-dịch khác giải-quyết của ông, sẽ là còn chép sai nhiều chỗ. Xem ở một chuyện làm sai-dù. là số quân mà vua Lê Thánh-Lô đi đánh xuất ngày mồng 7 tháng hai năm Hồng-Đức thứ 2 (1471) đem ra hai của Tân-Yêm và Cựu-Lưu vào đánh Chăm-thành.

Đại-Việt-Sử Ký Toàn-Thư, quyển 12 ở 26 b chép, rằng ngày ấy vua Lê Thánh-Lô tổng thần-xuất hơn 700.000 lính đi đánh Chăm-thành (thập dư vạn) sau khi đã sai:

1. Lê Hy Cát, Hoàng-như-như Thiêm, Lê Thê, Trình văn Sái đem 30.000 binh vượt bể vào đánh ở Sa Kỳ núi mỏn để chờ đợi về của Chăm-quá.

2. Vũ Văn Trung đem bộ-binh (không biết bao nhiêu người) đi lên đường núi tiến vào, rồi hốt lực-công hai đạo quân kia mà đánh binh Chăm.

Rồi mới gần đây ở Chăm Thiên (quyển Lê Thánh-Lô, trang 127), cũng theo đúng như (2) mà báo vua Lê Thánh-Lô, hôm ấy, đã đi 700.000 binh.

Tổng cộng lại số 73 vạn lính ấy là có ép sai, hoặc thế khác.

Nếu các số binh lính trên đây này như đã thấy trên kia, thì (đang số quan Đại-Việt-Khi này giờ có hơn một triệu (700.000 30.000), chưa kể bộ binh do Nguyễn An-Đương chỉ huy. Như vậy tính tổng bộ Đại-Việt-Sử-Ký-Toàn-Thư ấy, cách viết trong trước đây, thấy (đang số binh lính này Vua An-Đương từ Đông Kinh vào chỉ có 200.000 người) như: hai tướng Đinh-Lập, Lê-Niem đem đi trước 100.000 người, rồi đến nhà Vua kèm theo sau 150.000 người. Vậy thì tổng quân Quảng-Nam bấy giờ, nhà Vua lại thêm lính ở địa phương đủ con số hơn 1.000.000 người như đã thấy trên kia? Đó bảo rằng nhà Vua có lấy thêm lính ở Trấn-Thông, phải thì đúng quyết không thể nào có được tổng số hơn một triệu người.

Vậy có lẽ hôm ấy nhà Vua chỉ thân suất số 70.000 lính binh lính.

# ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 5)

Diễn, đánh nhau với giặc, được to: Giặc chạy trốn sang Chiêm thành, cốt để đảng thì xin hàng.

Ngoài ra, có việc Động Ma sa: Lúc bấy giờ động Ma sa (nay là nhân Đà bắc thuộc Hưng hóa) không xưng thất, phụng cống. Lý Nhân Tông tự làm tướng đi đánh, sai đóng hai cái thuyền gọi là *Cảnh hưng* và *Thanh long*, lại sai các quân đóng chiến thuyền, sắm sửa binh giáp. Tháng mười năm kỷ hợi (1119) vua ra quân chọn, người khỏe mạnh trong các quân. Võ tiệp và Vũ lâm sung vào các quân Ngạc giai, Hưng thành, Phú nhật, Quảng thành, Võ đô, Ngự long. Người thượng đẳng bỏ làm hỏa đầu (dại loại như đội trưởng), hạ đẳng cho làm lính. Rồi họp tất cả các quân ở Long trì (sân trước điện Thiên an) để tổ nghĩa khi lúc ra quân. Vua ban khí giới cho tướng sĩ ngự thuyền *Cảnh hưng* để thân đốc sáu quân tiến từ đời xưa được dùng sau quân mỗi quân 2.500 người, bắt đầu từ bờ Thiên thu (không rõ nay ở đâu) tiến lên đánh trống reo hò: quân sĩ háng hái bội phần. Tới động Ma sa, đánh một trận kịch liệt, háng háng được bốn Ngụy Bang (là động trưởng) đến vài trăm người sai chiêu dụ các dân về an cư lạc nghiệp. Xong rồi thu quân về, Tháng mười hai về đến cung dâng

những người bắt sống được nhà Thái miếu, khảo thường tướng sĩ, ban cho tiền lụa cổ thứ tự (K.đ.v.s., q.4, tờ 11 a-b)

« Mùa xuân năm quý-tân (1083). Vua nhân chọn những người hoàng nam (từ 10 tuổi trở lên) khỏe mạnh, chia làm ba bậc. (Đại-Việt sử-ký, toàn-thư, q. 5, tờ 11 a)

« Tháng giêng năm Mậu-tuất (1118) lại tuyển những người hoàng-nam ở dân làm lính ». Tháng ba, định danh hiệu cấm quân, chọn những người đại hoàng-nam 20 tuổi khỏe mạnh được ba trăm năm mươi người sung vào các quân Ngạc-giai, Hưng-thành, Võ đô và Ngự long; cấm dấy tờ đưa ở an khang không được chạm mự ở gần như lối lính cấm quân và chạm những hình con rồng ở mình người. (Khâm định Việt-sử, q. 4, tờ 9 a và Đại-Việt sử ký toàn-thư, q. 3, tờ 18b và 19a)

Đối với việc binh, Lý Nhân-tông là bậc khoan nhân đại độ. Khi mới rời chân ở điện Thiên-an năm (1072) đã tha từ ở phủ Hồ hồ » (Đại-Việt sử-ký toàn-thư q. 3, tờ 6 b) năm đinh-sửu (1097) xuống chiếu cho các quan kiểm xét lại và so sánh các cổ điển và điển lệ, biên chép để thi hành, gọi là *Hội-diễn* (Khâm định Việt-sử q. 4, tờ 2 a). Năm đinh-dậu (1117) xuống chiếu rằng những kẻ ăn trộm trâu làm cừ, xử tội làm mười trượng, đồ làm lính, vợ cũng xử làm người đày ba năm, cùng nhau phải đến

cho người mất trâu; kẻ giềng không cáo tố cũng xử tám người trượng (Đại Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 17 b). Nếu xem việc ăn trộm một con trâu mà cả hai vợ chồng và láng giềng cùng bị tội, thì lấy gì làm nhân từ! Nhưng đó là việc khuyến nông, và loại trộm trâu có lẽ đời xưa nặng hơn: xem như trộm ta có tội cớ nhà ăn trộm trâu không được đi thi, thì đủ rõ.

Tháng tư năm quý-mão (1123) có lệnh cấm giết trâu. « Vua xuống chiếu rằng: con trâu làm việc rất cần rất trọng, có lợi cho người ta không ít, từ nay về sau cứ ba năm làm một « bảo » (tựa như một xóm), vô cớ không được giết trâu vào thị. Nếu trái lệnh thì đưa ra hình-biến tội. (Khâm định Việt-sử q. 4, tờ 12 a).

Tháng tư năm nhâm-dần (1122) Vua che bọc Lý-Phụng hai mươi người làm ngục-lại (chức quan coi việc hình án) để xét những giấy tờ kiện tụng của dân gian, (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 21 a).

Năm ất-tý (1125) xuống chiếu rằng: Phạm đánh người ta chết thì phải tội một trăm trượng, chạm vào mặt năm mươi chửi, đồ làm lính (Đại-Việt sử-ký toàn-thư q. 3, tờ 24 a).

Tháng giêng năm sau (1126) mở hội quảng-chiêu-dâng bảy đêm ngày tha tội-nhân ở phủ Đô-hộ (Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 3, tờ 24 a).

Xem hai việc dưới này lại thấy rõ lòng nhân từ của Lý Nhân-tông. Một là việc Lê Văn Thịnh hóa hổ Nguyễn Lê Văn Thịnh con nuôi người nước Đại-lý làm gia nô, tên này có kỹ-thuật nấu thức

Vân-Thị học được phép, (chưa mưu thoán thi. Gặp lúc bấy giờ (tháng ba năm bính-tý 1096) Vua Lý Nhân-tông đi chơi Đám-đám (Hố Tây), bên chiếc thuyền con xem đánh cá. Chợt nổi làn mây mù, trong ổ ổ mưa, đến nghe tiếng chèo thuyền đi tới sát thuyền vua: vua cảm thấy nôm, một lát thì mây mù an hết, trong thuyền có con hổ, mọi người đều sợ hãi thất sắc. Duy một người ở thuyền chèo thuyền là ông. Trạng này lược vẽ lên trên vó ngựa ra, thêu sư Lê văn-Tĩnh. Vua nghĩ là bậc đại thần có ông, không nỡ giết dân ra đầu trai Thao-gang (nay ở phía bắc huyện Tam-nông, tỉnh Hưng-hóa) rồi thưởng cho Mục-Thần được quan chức và của cải, cho nhất Tả-bộ làm ấp ăn lộc. (Khâm-dinh Việt-sử, q. 4, tờ 1 b và 2 a và Đại-Việt sử-ký toàn-thư, q. 2, tờ 13 a).

Hải là huyện Mạc-Hiến: Nguyên tháng chạp năm giáp-thị (1124) hiệu tử Tô-thôn Quảng-nguễn là Mạc-Hiến đem họ-thuộc đồ-dã sang trốn ở Giang động thuộc châu Ung nhà Tống. Đến tháng giêng năm sau (1125) người châu Ung bắt bọn Mạc-Hiến, rồi viết giấy sang nước ta, báo đến Giang-nam sẽ giao giả Vua sai chầu thứ ở phủ Phú-lương là trung-thư Lý Hiến đến Giang-nam nhận, rồi giải về kinh đây Mạc-Hiến vào châu Nghệ-an; vợ con đến sang vào nhà ở nhà quan Đại-Việt, sử-ký, toàn-thư, q. 3, tờ 23 a-b) Nhà Đại-việt thời ấy là tôi đang chết, mà vua đều tha, thì biết nhà có độ-lượng khoan-hồng.

Đến với sự cải gái, vua biết là dân khổ học khổ sở cho nên đến năm nhâm-thân (1092) được mùa, mới định việc tha thuế ruộng mỗi mẫu ba thăng (độ một phần mười

đầu) để giúp quân-lương; nămất-hợi (1094) đại hạn, thì tha thuế ruộng. Năm丁丑 đầu, (1117) vua n-ư-hoà-cung Ung pho giao phủ Ngã-hưng thuộc tỉnh Nam-dinh) xem dân cấy, từ năm ấy trở đi mỗi năm một lần vua đi xem dân cấy và xem gặt. Năm quý-mão (1123) được mùa, tháng mười vua ngự Ung-phong xem dân gặt, đến tháng mười một về cung: ở phải về Thọ, Thọ Tích, đồ-dã, đồ-dã, đồ-dã (Khâm-dinh Việt-sử, q. 4, tờ 1 a-b và 7 a và 12 a).

Nghe việc văn, võ, binh, dân-công, còn có việc q an chỗ. Tháng ba năm kỷ-tý (1089) định định-niệm cá quan văn võ và các chức tước - quan tập-lưu. Lịch-triều hiển chương, Quan-chức chỉ chép rằng: Quan chức triều đại-khai văn ở triều có chín bậc, lý-thần-sư, thái-phó, thái-bảo, thiếu-sư, thiếu-phó, thiếu-bảo, thái-uy, thiếu-uy, nội-tam-thiện đồ-tri-sư, ngoại-tam-thiện đồ-tri-sư, kiêm-hiệu binh chương-sự, là đại-thần trọng chức về văn võ. Văn-ban thì có chức thượng-thư, tả-bô, tả-tham-tư, hữu-tham-tư, tả-giao-nghị, hữu-giao-nghị, trung-thư, tả-lang, bộ-thư, lang, tả hữu ty lang, trung-thư, tả-sân, viên ngoại-lang, đồng-lưu táp-môn-tử, tả hữu phúc-tâm, nội-thượng-thư, phủ-sĩ-sư, d-ên học sĩ, hàn-lâm học sĩ, vệ đại-phu, chủ-hoà thư-gia, thừa-trư-lang, thừa-tín, lang 20 là chức quan trong kinh. Có 6 phủ, 6 phân-phủ, tri-châu là các quan văn ở ngoài. Võ-ban thì có chức đồ-tổng, nguyên-soái, tổng-quân, xu-mật-sư, xu-mật-lã, hữu-x, tả-huà kim-ngô, thượng-tướng, đại-tướng, phó-tướng, tướng-quân các vệ chi-huy-sứ, võ-vệ hóa-

## Tài liệu để định chính

(Tiếp theo trang 13)

Danh hoa hân cô, ảnh, Kiều-diệu phạ kinh nhân. Tự phận bạn mình nguyệt, Thùg tư tế hân-xuân. Tông phạ uay hữu mỹ, Nhất nữ dĩ chung thân, nghĩa là:

«Người con gái như mùa xuân, Nhà em nhận được rõ ràng, Như đàn-li-nam, mừng trông thấy hồng, như chim non sợ gặp phải người. Tự phận làm bạn với găng sáng, ai nghĩ gặp được hân-xuân tốt. Đạo tình phu là một việc tốt, một lời đã hứa họ chung thân». Ngâm rồi, viết vào lụa trắng, đưa gửi cho Kim Trọng, không biết rằng có gửi được đến Kim-Trọng hay không». Xem hồi sau sẽ rõ: (tuyệt theo Kim-Văn-Kiểm truyện Tuân-lâm-lâm-lâm-lâm biên, bản sao trường Bắc-cổ, số A. 958, q. 1, tờ 17 b đến 23 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

đầu và các binh-tập võ-tiếp, võ-lâm, đều là nội-chức. Lại có những chức quan binh trấn-thủ ở các lộ, trấn, trạm, đều là ngoại-chức. Còn phẩm trật cao thấp thế nào thì không được rõ. Chư-hoà thư-gia là tên chức quan, chư-chức nội-hoà thư-gia, chi-huy thư-gia nội-thư-gia, lệnh thư-gia v.v. còn chư-hoà thì không rõ. Tương-quân các vệ là Oai-vệ, Kêu-vệ, Định-quân vệ, v.v. (Khâm-dinh Việt-sử, q. 3, tờ 46 b 47 b).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Chung quanh việc khởi nghĩa Bãi-sậy

# MỘT ÁN « THÔNG PHỈ »

Kính Tiến-Hành Đường bá phệ  
Tương Nguyên tiên-sinh

Các bạn còn nhớ cách đây vài chục năm, trong thời kỳ quân Pháp mới chiếm đóng, cổ rì ừ cuộc quật-khởi do những văn thân trong nước đứng ra đứng nghĩa, nhưng tiếc thay những công cuộc ấy chỉ như ngọn lửa bùng cháy rồi lại vụt tắt ngay mà những bậc anh hùng hoặc hữu danh hay vô danh đều bị thời gian làm che lấp sự-nghiệp.

Tôi, lúc thơ ấu được theo hầu Gia-tiên nghiêm ở lỵ sở Hưng-yên là nơi có cuộc khởi nghĩa Bãi-sậy thời gian qua tuy nay đã hơn 80 năm, việc cũ còn nhớ, nay cầm bút chép kể lại một chuyện trong trăm nghìn truyện, không giám tự cho là sử-liệu, nhưng chỉ là cái « vang bóng » một thời đáng gại nhớ.

Câu truyện dưới đây có thực: nhân-vật trong truyện cũng có người còn sống nên chưa tiện nói rõ tên, mong bạn đọc lượng thứ.

T. Đ.

**K**HOẢNG niên-hậu Thành-thái, ở Hưng yên có bọn ông Tân Thuật đứng nghĩa Cần Vương chống lại quân Pháp, lấy Bãi-sậy làm nơi hành binh, đất đã bầm, binh lại tái, nên quân Pháp và cả Hưu tập ta khó bề thủ thắng.

Không biết nghĩ làm sao, chính phủ Pháp ở Bắc kỳ lấy nghĩa Trần Đình, cử một quan Tể phủ sứ ra dẹp.

Quan Tể phủ sứ đến Hưng yên với cả « đại bản doanh » của mình; nhưng vì không biết binh ông Tân Thuật ở đâu, ngài được kèm cả « Đức-Tuyên-phủ » ứng ấy, nói là kiếm vì trong những lúc sức cho các nhà môn thấy có đóng ấn: « Hưng yên tuần phủ quan phòng » và ít khi thấy đóng ấn « Tể phủ ».

Lúc ấy, Hưng thành vẫn yên-đoạn quan lại nhàn rỗi, nên tuy trong dân gian Tiểu phủ « ăn nhậu bộ-bạ » ra vào tấp nập như có việc quân tình khẩn cấp mà cũng ra tiếng-trống bát-trêu kéo giải mã đến khuya; lúc ấy, cũng là lúc trong trại: đèn hoa lồng lánh, khói thuốc thơm tho, lính cũng như quan vô sự hưởng nhúng phở ăn ai, say sưa, quan cũng như ông Tể không xuất hiện mà tận thưởng bản trò « Trương Viên » hay « Lưu Bình Dương Lễ » đến đến năm, bảy bận.

Nhưng, không phải quan Tể không làm việc; thời thường ngài đã giao riêng cho một viên bát-pâm cái trọng trách do hàm « đẳng-gạc », ông bát này cũng làm việc cũng miễn-cán làm tên thỉnh thoảng lại có một vụ lãnh

quyết ở Bãi Yên Nhân và sau mỗi vụ xử trảm ấy, dân Hưng thành vẫn tự-bôi « gạc » ở đầu ra mà nhều thối!

\*\*\*

Gần tỉnh lỵ có một huyện nhỏ, viên tri huyện do cử nhân khoa Ngộ xuất thân, tuổi trạc ngoài ba mươi.

Con nhà thế-phiệt đất Bắc, tính tình đằm đằm, thanh-liêm, từ khi vào nhậm, tuy ngày ngày không được rảnh rỗi dân cầm như viên lệnh đốn kia bên Tàu, song cả ngày không có dân sự vào hầu, vì dân vẫn ở yên.

Gạo hoặc có đám thổ chống thì ngài gọi hai bên lấy nghĩa lý đoàn tụ, đám đánh nhau thì giàn hòa, bầu bán không cho tranh dành, tới ngài càng nhẹ, danh ngài càng cao, hạt hạ xa gần đều mến, trọng-

Khi ra công-đường, ít khi quan phải ở quyền « Hoàng việt luật lệ » mà chỉ xem « Đường thì hợp tuyến », còn nhà, lại không phải chữ chỉ được gọi lên lầu thơ hay hỏi-han công việc làm ăn hằng ngày trong hạt.

Một buổi đầu xuân, tiết giới âm đã, ngày mồng bảy vừa xong lễ hạ nêu, quan huyện khấn áo tề-chính ra công-đường, nhà lại lên chào mừng. rồi giữa quan, nhà, trong làn khói trà thơm quện với mùi hoa thược-điền rồi trong chậu gia lưuon kê gần đây, người ta được nghe một câu chuyện xuân tươi :

— Nay, ông thông (thông-lại) cái lập thủy-tiên tôi lấy của chú Vĩnh Hợp dờ tỉnh, hồi cuối năm, lúc gọi toàn kếp rả, được hai củ may hăm-tiểu hôm giao-thừa, ngài nhà, ông có củ nào kếp không?

— Hân quan lớn, con được ba củ đơn đẹp lắm! mai kia bên đình Thận-phấn thi hoa, con định gọt nốt mấy củ quan lớn cho trong năm...

— Tôi tưởng không gì đẹp bằng thủy-tiên, khi tôi còn học trò đã có lần cụ Đốc Bắc giầy học bắt vịnh hoa ấy, nhưng bằng năm, trong ban đồng học có người ưng khấn được hai củ, tôi còn nhớ...

Rõ hằng giọng trầm-rầm, quan sẽ nắm:

*Chơi hơn trải mấy xuân thu  
Phẩm tiên thanh-lịch dễ hồ*  
có hai

Quan đang cao hứng, một tên lính lên tâu:

— Hân quan lớn! có ông bát trên tỉnh xuống... có việc quan...

Hỏi câu này vì như đã hễu, ngài truyện:

— Ra, mời ông Bát vào trong này!

Tên lệ trở ra, ông Bát đã rộng-rạc lên trên, quan huyện vội chạy ra đón chào, mời ngồi, pha trà, rồi ở:

— Năm sớm! quan huyện về có việc gì thế?

— Có việc quan rất cần! Cụ Lớn có giấy sức đây, quan lớn cứ đọc sẽ hễu.

Vừa nói, vừa mời tôi lấy giấy đưa ho ông huyện.

Quan huyện hai tay tiếp sức, xem một lượt, sẽ gấp lại, nét mặt như suy nghĩ rồi:

— Có lẽ nào thế được! những tên cụ lớn truyền kẻ đồ trong tờ này chắc là người tai mắt, danh giá lạ lùng - thẹn trong hạt tôi cả.

— Cái đó tôi cũng không rõ! quan lớn thử chờ tôi lên xem sau!

— Vâng, tôi xin tuân như quan huyện, nhưng quan huyện ở tỉnh về chưa dùng cơm sáng, chớ mấy khi... chưa kịp nói hết, ông Bát cướp nhời.

— Tôi vội đi ngay, nào đã cơm nước gì đâu!

— Chả mấy khi, quan huyện đến tiếp, xin nghỉ chơi vài hôm, chờ tôi sẽ xong việc này.

— Cái đó đã hẳn! Cụ Lớn truyền ở phải ở lại xem quan lớn đến hộ thế-nào, còn về triện cơ mà!

\*\*\*

Một bài (1) của quan huyện đi trong một ngày, sáng hôm sau trong khi quan ngồi ngoài công-đường, uống nước với ông Bá, lính vào triện có mấy ông Cử, tá trong hạt tiếp trát lên lầu.

Quan truyền cho vào. Các văn thân hàng huyện lễ phép bước lên thềm... rồi chào quan phụ - mẫu,

ngồi vui vẻ... chỉ ông Bát... bả g một g...

— Hôm... ngài lên nhà... mấy ngài lên... có quan Bát... Tội phũ.

Nó đến... nhìn các ông... nơi quan... sẵn mặt, có... cùng ông... tay nói:

— Rằm hai quan! anh em... bất trọng kỹ-cương sợ phép nước, khi nào giám làm điều phi pháp.

Ông Bát đang cầm chén nước, đặt xuống kỷ ngài ngay:

— Đành vậy! nhưng nay có đưa giá... với cụ Lớn, các ông... huyện mà xem, có giấy về đây!

Nói rồi, lời đưa mắt cho quan huyện, quan huyện vội lấy giấy trao cho ông cử. Ông này đọc qua một lượt, truyền tay cho mấy ông bên cạnh, rồi cả 6 người đều khấp sợ vì trong giấy nói rõ ràng, cử đi ngày, tháng đi lại với « giặc ».

... rồi một tay... luôn như... ngưng:

... cho mời các... g ấy tỉnh... nhà cụ Lớn

... huyện ngừng, ... ông này... cũng sau... đứng lên chấp

... anh em... là người đọc sách, ... nước,

... cầm chén nước,

... nay có đưa... thông... huyện mà xem,

... mắt cho quan... giấy trao... qua một... cho mấy ông... người đều khấp... nói rõ ràng, cử đi... với « giặc ».

(còn nữa)  
TIÊN-DÀNG

1) Lúc ấy đang bài gổ sơ phần rồi viết chữ...

Muốn làm giàu mua vé số

## Dòng Dương

2\$00 một vé

Vào  
rất là  
D. D.  
này là  
hàng  
vàng  
hiện  
có đủ  
hàng  
khác-biệt. Vì vậy, người  
Pháp ở  
nhất quyết  
hành lời hứa của mình giấy bạc:

« Có thể trả bằng thực-chất cho  
người mang ». (1)

Bên nào cũng có lý, kiện nhau  
đến bên Tây.

Kết cục D. D. N. H. thắng, vì  
những lẽ sau đây:

Chính-phủ đã giao quyền phát-  
hành giấy bạc cho D. D. N. H., đã  
bắt buộc D. D. N. H. phải có một  
số vốn (tư-chất) để đảm-bảo  
những giấy bạc phát hành, lại đã  
bắt buộc D. D. N. H. phải nộp một  
món thuế theo số bạc phát-  
hành, và đã cho D. D. N. H. cho  
vay nhiều tiền. Như vậy, D. D. N. H.  
nặng (1 / 1) và phải trả tiền  
ấy bằng những giấy bạc phát hành.  
Nhưng, giấy bạc phát hành đã  
phải thu về để trả nợ, và cũng  
không.

Ngân hàng đã phải dùng  
lòng/dòng tiền của mình để  
vay là bởi vì ngân hàng đã trả tiền  
ràng.

— Vốn của ngân hàng, là  
đảm-bảo cho người mang.

là một số tiền nằm trong  
tủ-sắt, một số tiền ở chế  
— vốn ấy có thể vẫn  
được tự do, phải sinh lợi  
thêm và để ruýt cho chủ  
vốn.

— Nếu ngày nay, ngân  
hàng đòi đòi từ D. D. N. H., thì  
những quyền của ngân hàng  
gi, lại còn là một món  
tiền kếm nữa (tên ấy là  
công...)

— bởi những lẽ nói trên  
mang giấy bạc vẫn là chủ  
ngân hàng phát-hành, có  
phải thừa nhận làm bảo-lệch và  
chịu liên đới bởi thường những  
món nợ (mà giấy bạc là văn khố)  
— nhưng không bao giờ có quyền  
dem văn khố đến đòi nợ ngân-  
hàng.

Giấy bạc là những món nợ ta  
cho ngân hàng phát-hành vay, có  
văn khố, nhưng không có hạn trả.  
Cần tiền, ta cứ loan-chuyển văn-  
khố cho nhau (bắt tất phải «đán  
chữ loan»).

Ngân hàng phát-hành hứa trả,  
nếu mới có chữ: « có thể trả lại  
bằng thực-chất cho người mang ».  
Lời hứa đó không phải là  
một lời phũ phịch. Lời hứa đó  
có thể đúng khi đó  
ở \$ mới có...  
ngân hàng phát-hành...  
vượng. Ngân hàng hết số  
nữa vì đó là điều kiện  
của ngân hàng. Nhưng ngân  
hàng phải luôn luôn đứng  
để trả cho công-chúng, và  
phát hành thật là một cái...  
\*\*\*  
Phản ánh của vụ kiện là  
là những giấy bạc in sẵn  
HỎA: Do nghị định ngày 8 tháng 1 năm 1941  
ong-Phươn

Đ không còn mang những chữ  
payables en espèces au porteur  
số lệnh của chính-phủ Pháp.  
phép D. D. N. H. bỏ hẳn  
ng chữ ấy trên giấy bạc.  
ế nay, chỉ còn bốn thứ giấy  
còn mang những chữ ấy. Đó  
hững thứ giấy in trước năm  
Đ. phát-hành từ trước, hoặc  
khoảng năm 1934 trở lại:  
giấy 100\$, có hình vẽ tranh tổng,  
giấy 20\$, khổ rộng, giấy mỏng  
có hình vẽ nữ thần thương-  
ghiệp

— giấy 5\$, có hình vẽ con công,  
— giấy 1\$, khổ nhỏ.

Trong 4 thứ giấy bạc này, hàng  
« cũ h đồng » đang còn nhiều. Ba  
thứ dưới đã nhàu nát, còn rất ít.

Đừng ai ngộ-nhận rằng  
những thứ giấy này quý hơn  
những thứ giấy mới. Đang còn  
D. D. N. H. đang còn tài sản của  
Đ. D. N. H. đang còn một chính-  
phủ kếm sát D. D. N. H. để  
đòi đến ngày thanh-toán với  
D. D. N. H., nghĩa là đề nghị ngày  
Chính-phủ Việt-nam độc lập lấy  
lại quyền phát-hành giấy bạc, thu  
lại cho toàn quốc thực-chất của  
số giấy bạc D. D. N. H. đã phát-  
hành — đang còn bị-vọng ấy, thì  
giấy bạc nào cũng đều có giá.

NGÔ-CÔNG

1. Payables en espèces au porteur  
2) Thực-chất không trả lại cho  
chúng, như g — lúc hết quyền  
phát hành — phải trả lại cho chính  
phủ. Quyền ấy có thể kể là đã hết,  
từ ngày Hoàng đế Việt-nam tuyên-  
bố bãi bỏ những hiệp-ước giữa Việt-  
nam và Pháp. \$ đồng đương tiền  
trong thời-kỳ chờ đợi để được  
thanh-toán.

Tháng 1 năm 1941  
Số 95—97 Chancellerie,anoi